MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 29/6/2023

Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,125.39	227.48
% Thay đổi	-1.14%	-1.20%
KLGD (CP)	881,670,907	103,955,986
GTGD (tỷ đồng)	17,316.97	1,823.76
Tổng cung (CP)	1,965,426,082	210,499,600
Tổng cầu (CP)	1,862,505,770	126,112,100

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	34,077,100	593,091
KL mua (CP)	37,298,500	436,640
GT mua (tỷ đồng)	1,158.68	11.69
GT bán (tỷ đồng)	1,043.66	17.52
GT ròng (tỷ đồng)	115.03	(5.82)

Tương quan cung cầu HOSE

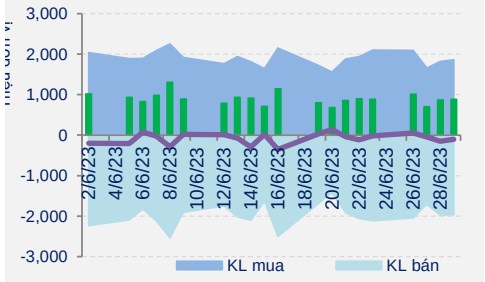

Giá trị Giao dịch NDTNN HOSE

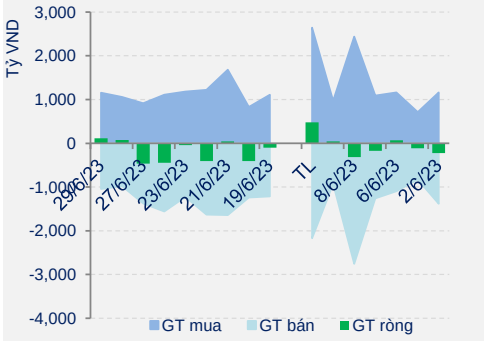

Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX

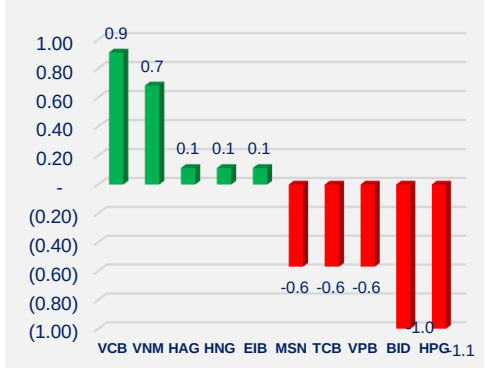

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường đầu phiên đón nhận thông tin về tình hình tăng trưởng GDP khi GDP quý II/2023 ước tính tăng 4,14% so với cùng kỳ năm trước, chỉ cao hơn tốc độ tăng 0,34% của quý II/2020 trong giai đoạn 2011-2023. GDP 6 tháng đầu năm 2023 tăng 3,72%, không như kỳ vọng, rất khó có thể đạt được mức tăng trưởng mục tiêu đã đề ra là 6-6,5%. Quá đó VN-INDEX sau nhiều phiên có diễn biến rung lắc xoay vòng ở vùng kháng cự đã chịu áp lực bán từ đầu phiên quanh vùng 1.140 điểm, áp lực bán gia tăng mạnh dần cho đến cuối phiên. Kết phiên VN-INDEX giảm khá mạnh 12,96 điểm (-1,14%) về mức 1.125,96 điểm, lấy đi thành quả tăng điểm 03 phiên trước và đang kiểm tra lại vùng giá 1.125 điểm thời điểm tháng 01/2023. HNX-INDEX giảm 2,77 điểm (-1,20%) về mức 227,48 điểm. Độ rộng thị trường tiêu cực hơn thể hiện áp lực bán mạnh áp đảo ở nhiều mã với tổng cộng 509 mã giảm giá (10 mã giảm sàn), 134 mã tăng giá (12 mã tăng trần), và 88 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 19.136 tỉ đồng, giảm nhẹ so với phiên trước, nhưng duy trì trên mức trung bình cho thấy áp lực chốt lãi, điều chỉnh mạnh diễn ra ở nhiều mã. Nhà đầu tư nước ngoài sau nhiều phiên bán ròng mạnh, mua ròng giá trị 115,03 tỉ đồng trên HOSE, bán ròng trên HNX với giá trị 5,82 tỷ đồng.

Thị trường chịu áp lực bán mạnh khi tăng trưởng GDP không như kỳ vọng, tăng trưởng tín dụng kém, trong đó nhóm cổ phiếu bất động sản nhiều mã chịu áp lực bán mạnh, thanh khoản đột biến như QCG (-6,95%), TDC (-6,93%), DIG (-5,80%), NBB (-5,19%), NTL (-4,67%)...

Nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán có tương quan cao với VN-Index cũng chịu áp lực bán mạnh vào cuối phiên, thanh khoản vượt mức trung binh với FTS (-5,42%), AGR (-5,08%), BVS (-4,84%), VCI (-4,47%), VIX (-4,47%)...

Nhóm cổ phiếu ngân hàng sau phiên tăng điểm tích cực, cũng chịu áp lực điều chỉnh với thanh khoản ở mức trung bình góp phần tạo áp lực giảm điểm của VN-INDEX như VAB (-3,61%), HDB (-2,13%), TCB (-1,95%), SHB (-1,95%)... ngoài EIB (+0,96%), VCB (+0,79%), PGB (+0,72%)

Trong khi đó nhóm cổ phiếu thép với HPG (-3,01%) sau phiên tăng mạnh cũng chịu áp lực bán với khối lượng gia tăng hơn, các mã còn lại tiếp tục chịu áp lực bán mạnh hơn như NKG (-4,96%), SMC (-4,68%), POM (-4,61%), LTH (-4,19%)...

Các cổ phiếu nhóm ngành khác đa số đều chịu áp lực điều chỉnh vùng với thị trường chung như xây dựng FCN (-2,50%), VCG (-2,11%), C4G (-1,45%)... khu công nghiệp với TIP (-2,95%), SZC (-2,70%), PHR (-2,51%), IDC (-2,30%)... cảng biển, logistic như VOS (-2,70%), SGP (-2,45%), HAH (-2,40%)... dầu khí, vận tải dầu khí với PVP (-4,11%), VIP (-2,69%), PVS (-0,61%), PVD (-0,41%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2307 giảm khá mạnh -17,4 điểm (-1,54%) mức chênh lệch gia tăng lên -10,29 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch tăng 35,65% so với phiên trước cho tấy các vị thế bán gia tăng. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2308, VN30F2309, VN30F2312 thu hẹp chênh lệch còn từ -12,02 điểm đến -23,29 điểm so với VN30. Cho thấy các trader sau khi giảm dần các vị thế phòng ngừa rủi ro giảm điểm ở các kỳ hạn lớn, quay trở lại gia tăng tăng các vị thế đầu cơ ở kỳ hạn chính VN30F2307.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

Sau 07 phiên liên tiếp tăng điểm, VN-INDEX đã chịu áp lực điều chỉnh ở vùng giá 1.140 điểm. VN-INDEX đóng cửa ở 1.125,39 điểm, kiểm tra lại vùng giá cao nhất đầu năm, tháng 01/2023. Mặc dù thị trường đang vận động tốt dựa trên nền tảng tích lũy trung hạn tin cậy, nhưng đà tăng của thị trường đã chững lại và chịu áp lực điều chỉnh ở vùng kháng cự mạnh như chúng tôi đã nhận định. VN-INDEX đang điều chỉnh kiểm tra lại nền giá gần nhất quanh vùng 1.120 điểm.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường chịu áp lực bán ngay từ đầu phiên ở vùng giá 1.140 điểm khi đón nhận thông tin tăng trưởng GDP quí II/2023 kém tích cực như kỳ vọng khi GDP quý II/2023 ước tính tăng 4,14% so với cùng kỳ năm trước, chỉ cao hơn tốc độ tăng 0,34% của quý II/2020 trong giai đoạn 2011-2023. GDP 6 tháng đầu năm 2023 tăng 3,72%. Qua đó VN-INDEX đang tạo đỉnh ngắn hạn ở vùng 1.140 điểm để kiểm tra lại nền hỗ trợ quanh 1.120 điểm. Ngắn hạn thị trường sẽ kết thúc quí II/2023 trong phiên tiếp theo.

Về góc nhìn Trung- Dài hạn thị trường đã tích lũy rất tốt trong 6 tháng trước đây với mô hình tích lũy tin cậy. Sau những giai đoạn phục hồi ngắn hạn liên tiếp, hiện tại VN-INDEX đã chịu áp lực bán, điều chỉnh ngắn hạn khá mạnh sau khi giá vượt khá xa vùng 1.120 điểm. Như vậy thị trường sẽ chuyển sang giai đoạn tích lũy trước khi có thể kỳ vọng vượt qua vùng kháng cự trung hạn để kỳ vọng hình thành xu hướng tăng trung hạn như chúng tôi đã nhận định trong những phiên trước. Thị trường sẽ cần nhiều thời gian hơn để tích lũy trước khi vượt kháng cự, đồng thời cần thêm hỗ trợ từ các yếu tố Vĩ mô tích cực. Với nền tảng hình thành sóng rất tốt trong thời gian qua có thể kỳ vọng thị trường có cơ sở hình thành xu hướng tăng trung hạn.

Về vĩ mô, trạng thái nền kinh tế vẫn đang trong giai đoạn trầm lắng, khó dự báo đặc biệt đối với thị trường BDS và thị trường xuất khẩu (do kinh tế thế giới đang tăng trưởng thấp nên đơn hàng không nhiều). Lãi suất đang có xu hướng giảm và ổn định giúp dòng tiền trong thị trường trở nên bình ổn hơn. Tình hình kinh tế toàn cầu hiện cũng đang khó lường, vẫn bất ổn và tăng trưởng thấp. Điểm tích cực là nhiều tổ chức tài chính lớn đang nâng dự báo tăng trưởng toàn cầu dù tốc độ tăng trưởng vẫn không cao. Tổng thể nhìn chung tâm lý giới đầu tư đang dần ổn định hơn, dần có niềm tin kinh tế sẽ dần ổn định lại. Tuy nhiên tăng trưởng GDP quí II và trong 06 tháng đầu năm đang không như kỳ vọng, rất khó có thể đạt được mức tăng trưởng mục tiêu đã đề ra là 6-6.5%. Do đó cần chờ thêm những tín hiệu cải thiện vĩ mô, doanh nghiệp cải thiện tăng trưởng mới kỳ vọng thị trường có khả năng hình thành xu hướng tăng trung hạn.

Ngắn hạn thị trường đã suy yếu, chịu áp lực bán khá mạnh ở vùng kháng cự mạnh. Các nhà đầu tư ngắn hạn giai đoạn hiện tại thận trọng đánh giá danh mục, giảm tỉ trọng đầu cơ ngắn hạn. Với nhà đầu tư trung, dài hạn trường hợp muốn gia tăng tỷ trọng nên xem xét mua vào ở các nhịp điều chỉnh. Nên ưu tiên ở các nhóm cổ phiếu đầu ngành, các cổ phiếu đang tích lũy tốt, có kỳ vọng kết quả kinh doanh tiếp tục tăng trưởng trong năm nay. Chiến lược giải ngân trung - dài hạn nên là gia tăng giải ngân trong các giai đoạn thị trường điều chỉnh giảm.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 29/6/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu TTM	T.trưởng Lợi nhuận TTM	
GVR	19.05	17-18	22-23	16	23.0	-15.5%	-47.9%	Theo dõi chờ giải ngân
LCG	13.35	12.5-13.2	15-15.5	12	16.7	33.6%	-79.2%	Theo dõi chờ giải ngân
GMD	51.70	49.5-51.6	62-64	46	16.9	2.5%	-26.1%	Theo dõi chờ giải ngân
VSC	35.25	31-32.5	40-42	29	16.7	-1.3%	-68.0%	Theo dõi chờ giải ngân
BMI	24.10	24.5-25.6	29-30	23	9.0	19.4%	3.3%	Theo dõi chờ giải ngân
ANV	36.00	34-36	42-43	32	8.2	-5.3%	-55.3%	Theo dõi chờ giải ngân
POW	13.55	13.5-13.9	16.5-17	13	18.6	5.1%	-26.0%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
9/3/23	CSV	34.20	26.4	34-36	34	29.55%	Nắm giữ
30/3/23	BVS	23.60	18	24-26	23.5	31.11%	Nắm giữ
31/3/23	PTB	47.65	40	52-54	47	19.13%	Nắm giữ
28/4/23	PVS	32.50	25.1	33-34	30.5	29.48%	Nắm giữ
11/5/23	PVP	14.00	12.75	18-18.5	13.4	9.80%	Nắm giữ
19/5/23	DPR	57.20	54.8	65-67	58	4.38%	Nắm giữ
7/6/23	KBC	29.00	28.05	34-35	28	3.39%	Nắm giữ
21/6/23	GMD	51.70	51	62-64	50	1.37%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ

GDP quý 2/2023 của Việt Nam tăng 4.14%	Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý 2/2023 ước tính tăng 4.14% so với cùng kỳ năm trước, chỉ cao hơn tốc độ tăng 0.34% của quý 2/2020 trong giai đoạn 2011-2023.
CPI bình quân quý 2/2023 tăng 2.41%	Theo Tổng cục Thống kê, giá thực phẩm tăng, giá điện sinh hoạt tăng do thời tiết nắng nóng kéo dài cùng với việc Tập đoàn Điện lực Việt Nam điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân là những nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6/2023 tăng 0.27% so với tháng trước. CPI bình quân quý 2/2023 tăng 2.41% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 6 tháng đầu năm 2023, CPI tăng 3.29% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4.74%.
Việt Nam xuất siêu 12.25 tỷ USD trong 6 tháng đầu năm 2023	Trong tháng 6, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóaước đạt 56.01 tỷ USD, tăng 3.6% so với tháng trước và giảm 14.1% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 316.65 tỷ USD. Cán cân thương mại hàng hóa 6 tháng đầu năm 2023 ước tính xuất siêu 12.25 tỷ USD.
Giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp 6 tháng đầu năm 2023 ước tính tăng 0.44%	Sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm 2023 đối mặt với nhiều khó khăn khi đơn hàng giảm, sức cầu yếu, chi phí đầu vào tăng cao. Tốc độ tăng giá trị tăng thêm của sản xuất công nghiệp trong quý II/2023 ước tính đạt 1.56% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, giá trị tăng thêm ngành công nghiệp tăng 0.44% so với cùng kỳ năm trước, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 0.37%.
Tổng vốn FDI vào Việt Nam trong 6 tháng đạt 13.43 tỷ USD, giảm 4.3% so với cùng kỳ năm trước	Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/6/2023 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 13.43 tỷ USD, giảm 4.3% so với cùng kỳ năm trước.

TIN DOANH NGHIỆP

PVFCCo dự kiến chia cổ tức 40%	Năm 2023, Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí khí (PVFCCo, mã chứng khoán: DPM) đặt kế hoạch thận trọng với doanh thu hợp nhất 17.372 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 2.250 tỷ, chia cổ tức 40% - mức cao so với mặt bằng chung.
PVN sắp nhận 2 ngàn tỷ đồng cổ tức từ BSR	CTCP Lọc hóa Dầu Bình Sơn (UPCoM: BSR) thông báo chốt quyền trả cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt. Với hơn 3.1 tỷ cp đang lưu hành, tỷ lệ thực hiện 7%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cp nhận 700 đồng, ước tính BSR cần chi hơn 2,170 tỷ đồng cho đợt cổ tức này. Tính đến hết quý 1/2023, BSR có cổ đông lớn là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PetroVietnam, PVN) sở hữu hơn 2.85 tỷ cp, chiếm tỷ lệ 92.13%.
Phó Tổng LGL đã bán 1.3 triệu cp	Ông Lê Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc LGL báo cáo đã bán thành công 1.3 triệu cp trong thời gian từ 08-26/06/2023, qua đó giảm sở hữu tại LGL từ hơn 1.33 triệu cp (tỷ lệ 2.6%) xuống còn 33,040 cp, tương đương 0.064% vốn.
Dragon Capital trở thành cổ đông lớn của GEX	Nhóm quỹ thành viên thuộc Dragon Capital vừa thông báo đã hoàn tất mua vào 2 triệu cổ phiếu GEX của CTCP Tập đoàn GELEX vào ngày 26/6. Sau giao dịch, tỷ lệ sở hữu của cả nhóm quỹ ngoại đã tăng từ 4,86% lên xấp xỉ 5,1% qua đó trở thành cổ đông lớn của GELEX từ ngày 28/6.

KLGD và VN-Index trong phiên

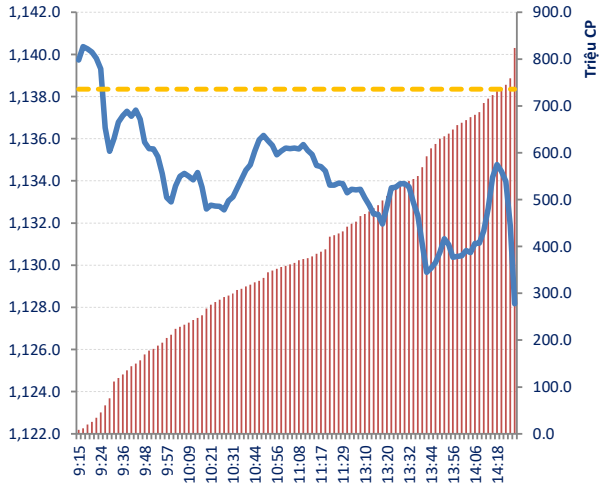

KLGD và HNX-Index trong phiên

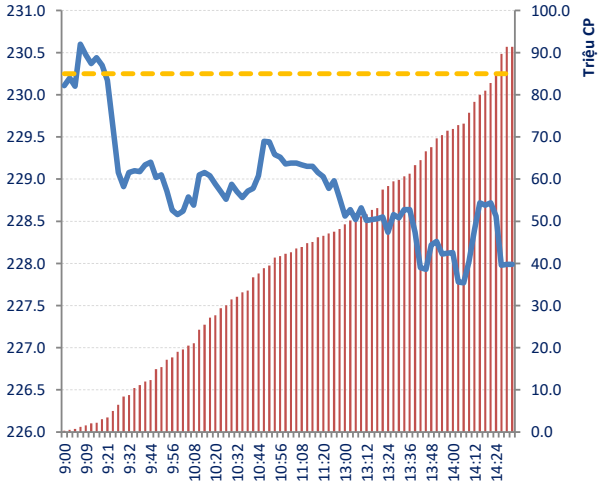

Biến động giá phân theo nhóm Ngành

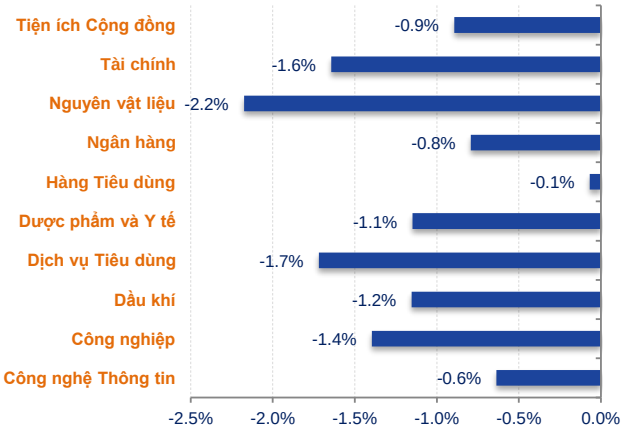

Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành

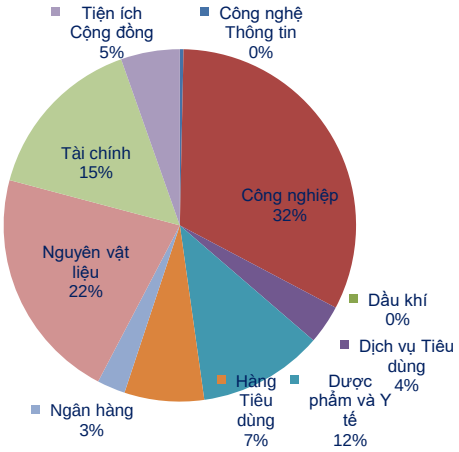

Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

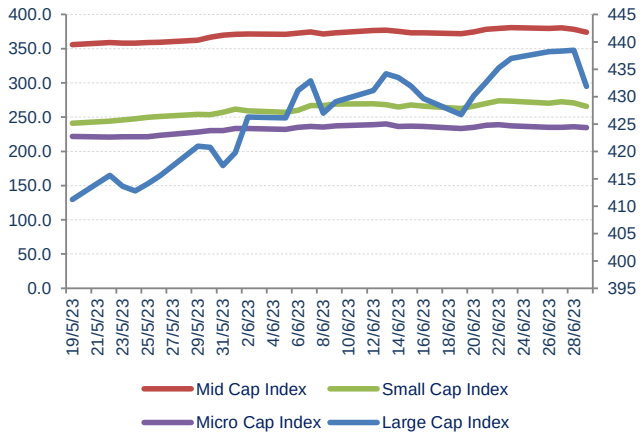

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa

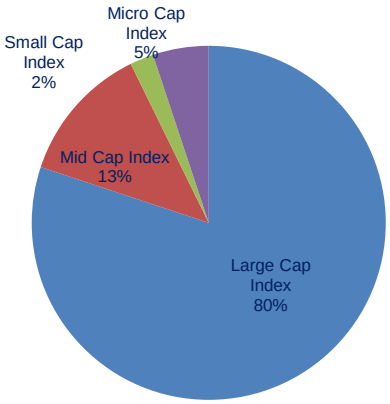

Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HOSE

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HPG	6,962,200	VND	1,372,600
2	VNM	1,151,000	EIB	790,800
3	CTG	918,500	VRE	752,900
4	DXS	827,600	NLG	723,900
5	VHM	685,100	DCM	662,400

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
DIG	22.40	21.10	-5.80%	51,780,500
HPG	26.60	25.80	-3.01%	39,472,700
NVL	15.60	15.00	-3.85%	39,219,600
HAG	7.95	8.30	4.40%	38,426,600
VND	19.55	18.80	-3.84%	29,421,100

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SVC	38.70	41.40	2.70	6.98%
HNG	3.89	4.16	0.27	6.94%
DTL	34.00	36.35	2.35	6.91%
HCD	8.60	9.19	0.59	6.86%
TDP	30.60	32.60	2.00	6.54%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
QCG	9.50	8.84	-0.66	-6.95%
TDC	13.70	12.75	-0.95	-6.93%
EVG	6.27	5.84	-0.43	-6.86%
VPH	7.18	6.70	-0.48	-6.69%
TSC	4.70	4.40	-0.30	-6.38%

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	DTD	83,300	IDC	189,200
2	TNG	56,800	SHS	77,830
3	VCS	31,000	NVB	53,848
4	CEO	17,500	BVS	36,200
5	PVG	17,400	PVS	31,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	13.50	13.00	-3.70%	33,175,627
HUT	19.50	19.40	-0.51%	9,858,721
PVS	32.70	32.50	-0.61%	6,490,729
CEO	25.70	24.90	-3.11%	5,514,164
MBS	19.10	18.40	-3.66%	3,278,725

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
THS	13.00	14.30	1.30	10.00%
PHN	39.00	42.90	3.90	10.00%
BKC	7.10	7.80	0.70	9.86%
ATS	12.30	13.50	1.20	9.76%
VIF	15.50	17.00	1.50	9.68%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SIC	34.30	30.90	-3.40	-9.91%
TTT	40.40	36.40	-4.00	-9.90%
API	9.30	8.40	-0.90	-9.68%
VMS	22.10	20.00	-2.10	-9.50%
APS	10.60	9.60	-1.00	-9.43%

(*) Giá điều chỉnh

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
DIG	51,780,500	2.2%	276	81.3	1.7
HPG	39,472,700	0.7%	114	232.9	1.6
NVL	39,219,600	1.8%	414	37.6	0.7
HAG	38,426,600	24.3%	1,317	6.0	1.4
VND	29,421,100	4.1%	487	40.2	1.6

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	33,175,627	2.1%	224	60.2	1.2
HUT	9,858,721	1.3%	146	133.6	1.8
PVS	6,490,729	5.6%	1,498	21.8	1.2
CEO	5,514,164	7.5%	1,057	24.3	1.8
MBS	3,278,725	10.5%	1,241	15.4	1.6

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SVC	7.0%	11.9%	4,144	9.3	1.1
HNG	6.9%	-140.8%	(3,499)	-	1.5
DTL	6.9%	-18.6%	(3,028)	-	2.4
HCD	6.9%	6.9%	902	9.5	0.6
TDP	6.5%	9.8%	1,048	29.2	2.8

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
THS	10.0%	8.5%	1,235	10.5	0.9
PHN	10.0%	33.8%	5,871	6.6	2.1
BKC	9.9%	1.5%	216	32.9	0.5
ATS	9.8%	0.6%	74	166.7	1.0
VIF	9.7%	9.1%	1,303	11.9	1.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	6,962,200	0.7%	114	232.9	1.6
VNM	1,151,000	23.5%	3,881	18.2	4.3
CTG	918,500	15.9%	3,548	8.5	1.3
DXS	827,600	1.9%	345	27.2	0.5
VHM	685,100	24.9%	8,269	6.7	1.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DTD	83,300	22.9%	5,480	5.6	1.1
TNG	56,800	17.8%	2,666	7.3	1.3
VCS	31,000	19.3%	6,049	10.2	1.9
CEO	17,500	7.5%	1,057	24.3	1.8
PVG	17,400	3.4%	465	22.0	0.7

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	478,457	23.2%	6,533	15.5	3.3
VHM	241,232	24.9%	8,269	6.7	1.5
BID	229,404	19.7%	3,972	11.4	2.1
VIC	199,087	5.1%	1,800	29.0	1.5
GAS	182,591	24.1%	7,689	12.4	2.8

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	15,629	5.6%	1,498	21.8	1.2
IDC	14,322	34.3%	6,675	6.5	2.3
THD	13,965	4.0%	672	59.3	2.3
KSF	12,330	4.9%	1,094	37.6	1.8
BAB	11,751	9.6%	1,139	12.4	1.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DRH	2.59	-0.4%	(48)	-	0.5
QCG	2.56	0.3%	49	193.6	0.6
TGG	2.49	-15.6%	(2,111)	-	0.3
HTN	2.48	1.7%	304	48.6	0.9
GEX	2.25	0.1%	23	860.2	0.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
API	3.69	8.2%	921	10.1	0.8
VC7	3.54	2.4%	262	68.6	1.7
VC2	3.11	4.1%	591	23.0	0.9
IDJ	3.05	8.0%	901	10.9	0.9
FID	2.90	0.0%	1	4,044.3	0.3

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

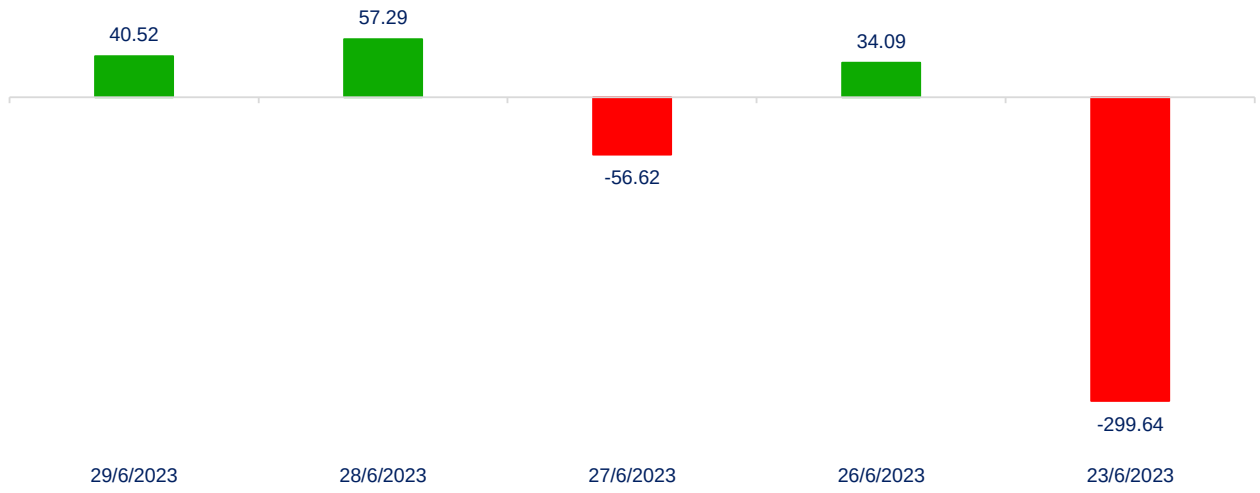

Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)

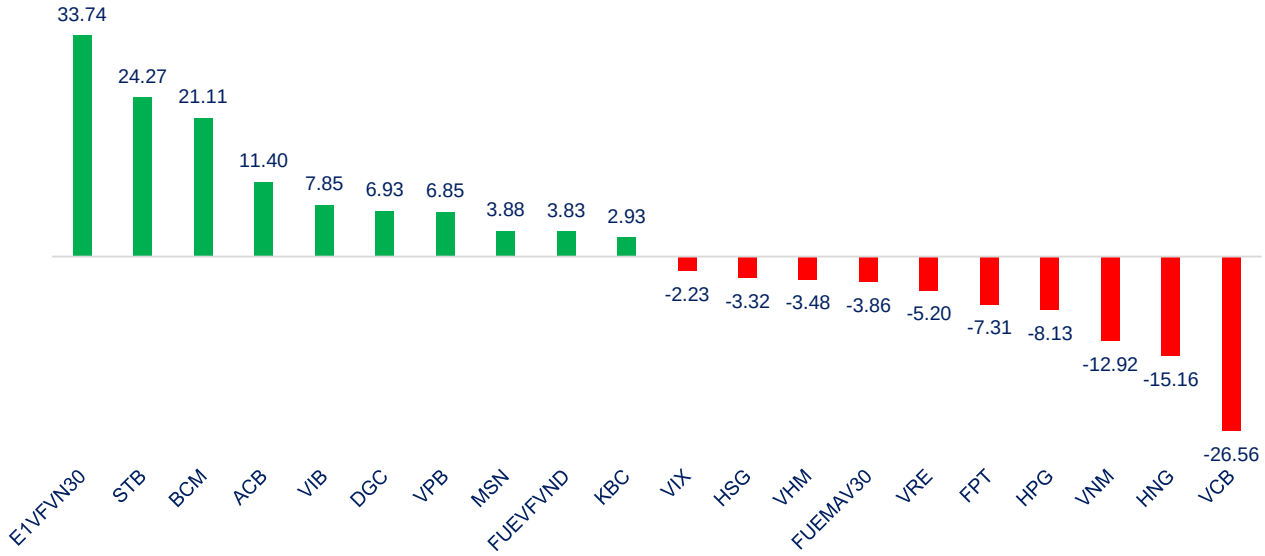

Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội
Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh
Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng
Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn